

THÔNG TƯ
Hướng dẫn khám sức khỏe

Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn khám sức khỏe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 09/2023/TT-BYT ngày 05 tháng 5 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn khám sức khỏe, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Người Lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động và Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động;

Căn cứ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư Hướng dẫn khám sức khỏe.¹

¹ Thông tư số 09/2023/TT-BYT ngày 05 tháng 5 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn khám sức khỏe có các căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn hồ sơ, thủ tục, nội dung khám sức khoẻ (KSK), phân loại sức khoẻ và điều kiện của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KBCB) được phép thực hiện KSK.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Người Việt Nam, người nước ngoài đang sống, làm việc tại Việt Nam KSK khi tuyển dụng, KSK định kỳ, KSK khi vào học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề và các đối tượng khác;

b) KSK cho người lao động Việt Nam khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3. Thông tư này không áp dụng với các trường hợp sau đây:

a) Khám bệnh ngoại trú, nội trú trong các cơ sở KBCB;

b) Khám giám định y khoa, khám giám định pháp y, khám giám định pháp y tâm thần;

c) Khám để cấp giấy chứng thương;

d) Khám bệnh nghề nghiệp;

đ) KSK khi tuyển vào lực lượng vũ trang và KSK trong lực lượng vũ trang.

4. Việc KSK chỉ được thực hiện tại cơ sở KBCB đã được cấp giấy phép hoạt động theo quy định của Luật KBCB và có đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này.

5. Đối với người có giấy KSK do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp thì giấy KSK được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy KSK có điều ước hoặc thoả thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy KSK đó không quá 6 tháng kể từ ngày được cấp. Giấy KSK phải được dịch sang tiếng Việt và có chứng thực bản dịch.

Điều 2. Sử dụng tiêu chuẩn sức khoẻ để phân loại sức khoẻ

1. Việc phân loại sức khoẻ của người được KSK thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1613/BYT-QĐ ngày 15 tháng 8 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tiêu chuẩn phân loại sức khoẻ để khám tuyển, khám định kỳ cho người lao động (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1613/BYT-QĐ).

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Sức khoẻ Bà mẹ-Trẻ em và Cục trưởng Cục Quản lý khám bệnh, chữa bệnh;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn khám sức khoẻ.

2. Đối với những trường hợp KSK theo bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành hoặc thừa nhận thì việc phân loại sức khỏe căn cứ vào quy định của bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành đó.

3. Đối với những trường hợp khám sức khỏe theo yêu cầu nhưng không khám đầy đủ các chuyên khoa theo mẫu Giấy KSK quy định tại Thông tư này, thì cơ sở KBCB nơi thực hiện việc KSK (sau đây gọi tắt là cơ sở KSK) chỉ khám, kết luận đối với từng chuyên khoa theo yêu cầu của đối tượng KSK và không phân loại sức khỏe.

Điều 3. Chi phí khám sức khỏe

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị KSK phải trả chi phí KSK cho cơ sở KSK, theo mức giá dịch vụ KBCB đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo thỏa thuận giữa hai đơn vị, trừ các trường hợp được miễn hoặc giảm theo qui định của pháp luật.

2. Trường hợp người được KSK có yêu cầu cấp từ hai Giấy KSK trở lên, thì phải nộp thêm phí cấp Giấy KSK theo quy định của pháp luật.

3. Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí từ hoạt động KSK được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương II

THỦ TỤC, NỘI DUNG KHÁM SỨC KHOẺ

Điều 4. Hồ sơ khám sức khỏe

1. Hồ sơ KSK của người từ đủ 18 (mười tám) tuổi trở lên là Giấy KSK theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này, có dán ảnh chân dung cỡ 04cm x 06cm, được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ KSK.

2. Hồ sơ KSK của người chưa đủ 18 (mười tám) tuổi là Giấy KSK theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này, có dán ảnh chân dung cỡ 04cm x 06cm, được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ KSK.

3. Đối với người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự đề nghị KSK nhưng không thuộc trường hợp KSK định kỳ, hồ sơ KSK bao gồm: Giấy KSK theo quy định tại Khoản 1 hoặc Khoản 2 Điều này và văn bản đồng ý của cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người đó.

4. Đối với người được KSK định kỳ, hồ sơ KSK bao gồm:

a) Sổ khám sức khỏe định kỳ theo mẫu quy định tại Phụ lục 3a ban hành kèm theo Thông tư này;

² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 09/2023/TT-BYT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.



b) Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức nơi người đó đang làm việc đối với trường hợp KSK định kỳ đơn lẻ hoặc có tên trong danh sách KSK định kỳ do cơ quan, tổ chức nơi người đó đang làm việc xác nhận để thực hiện KSK định kỳ theo hợp đồng.

Điều 5. Thủ tục khám sức khỏe

1. Hồ sơ khám sức khỏe nộp tại cơ sở KSK.
2. Sau khi nhận được hồ sơ KSK, cơ sở KSK thực hiện các công việc:
 - a) Đối chiếu ảnh trong hồ sơ KSK với người đến KSK;
 - b) Đóng dấu giáp lai vào ảnh sau khi đã thực hiện việc đối chiếu theo quy định tại Điểm a Khoản này đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 Thông tư này;
 - c) Kiểm tra đối chiếu giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với người giám hộ của người được KSK đối với trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư này;
 - d) Hướng dẫn quy trình KSK cho người được KSK, người giám hộ của người được KSK (nếu có);
 - đ) Cơ sở KSK thực hiện việc KSK theo quy trình.

Điều 6. Nội dung khám sức khỏe

1. Đối với KSK cho người từ đủ 18 (mười tám) tuổi trở lên nhưng không thuộc trường hợp KSK định kỳ: khám theo nội dung ghi trong Giấy KSK quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;
2. Đối với KSK cho người chưa đủ 18 (mười tám) tuổi nhưng không thuộc trường hợp KSK định kỳ: khám theo nội dung ghi trong Giấy KSK quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;
- 3.³ Đối với trường hợp khám sức khỏe định kỳ: Khám theo nội dung ghi trong Sổ khám sức khỏe định kỳ quy định tại Phụ lục 3a ban hành kèm theo Thông tư này.
Đối với lao động nữ, khi khám sức khỏe định kỳ được khám chuyên khoa phụ sản theo danh mục quy định tại Phụ lục 3b ban hành kèm theo Thông tư này
4. Đối với trường hợp KSK theo bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành: khám theo nội dung ghi trong Giấy KSK quy định tại mẫu giấy KSK của chuyên ngành đó;
5. Đối với trường hợp khám sức khỏe theo yêu cầu: khám theo nội dung mà đối tượng KSK yêu cầu.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 09/2023/TT-BYT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Điều 7. Phân loại sức khoẻ

1. Người thực hiện khám lâm sàng, cận lâm sàng cho đối tượng KSK phải ghi rõ kết quả khám, phân loại sức khoẻ của chuyên khoa, ký tên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khám và kết quả khám của mình.

2. Căn cứ vào kết quả khám của từng chuyên khoa, người được cơ sở KSK phân công thực hiện việc kết luận phân loại sức khoẻ và ký Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ (sau đây gọi tắt là người kết luận) thực hiện việc kết luận phân loại sức khoẻ như sau:

a) Phân loại sức khoẻ của người được KSK theo quy định tại Quyết định số 1613/BYT-QĐ hoặc phân loại sức khoẻ theo quy định của bộ tiêu chuẩn sức khoẻ chuyên ngành đối với trường hợp KSK chuyên ngành;

b) Ghi rõ các bệnh, tật của người được KSK (nếu có). Trường hợp người được KSK có bệnh, tật thì người kết luận phải tư vấn phương án điều trị, phục hồi chức năng hoặc giới thiệu khám chuyên khoa để khám bệnh, chữa bệnh.

3. Sau khi phân loại sức khoẻ, người kết luận phải ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của cơ sở KSK vào Giấy KSK hoặc Sổ KSK định kỳ (dấu sử dụng trong giao dịch chính thức của cơ sở KSK theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu). Trường hợp người được KSK có yêu cầu cấp nhiều Giấy KSK thì việc đóng dấu được thực hiện sau khi tiến hành nhân bản Giấy KSK theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 8. Cấp Giấy khám sức khoẻ

1. Giấy KSK được cấp 01 (một) bản cho người được KSK. Trường hợp người được KSK có yêu cầu cấp nhiều Giấy KSK, thì cơ sở KSK thực hiện như sau:

a) Tiến hành việc nhân bản (photocopy) Giấy KSK đã có chữ ký của người kết luận trước khi đóng dấu. Số lượng Giấy KSK được nhân bản theo yêu cầu của người được KSK;

b) Sau khi tiến hành việc nhân bản, thực hiện việc dán ảnh, đóng dấu giáp lai vào Giấy KSK bản photocopy và đóng dấu theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư này.

2. Thời hạn trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ

a) Đối với trường hợp KSK đơn lẻ: cơ sở KSK trả giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người được KSK trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc KSK, trừ trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện KSK;

b) Đối với trường hợp KSK tập thể theo hợp đồng: cơ sở KSK trả Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ cho người được KSK theo thoả thuận đã ghi trong hợp đồng.

3. Giá trị sử dụng của Giấy KSK, kết quả KSK định kỳ



a) Giấy KSK có giá trị trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký kết luận sức khoẻ; Đối với KSK cho người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì giá trị của Giấy KSK theo quy định của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà người lao động Việt Nam đến làm việc;

b) Kết quả KSK định kỳ có giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp người được KSK có xét nghiệm HIV dương tính thì việc thông báo kết quả xét nghiệm này phải theo quy định của pháp luật về phòng, chống HIV/AIDS.

Chương III

ĐIỀU KIỆN CỦA CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHOẺ

Điều 9. (được bãi bỏ)⁴

Điều 10. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị

1. Có phòng khám lâm sàng, cận lâm sàng từng chuyên khoa theo quy định của Bộ Y tế phù hợp với nội dung KSK.

2. Có đủ cơ sở vật chất và thiết bị y tế thiết yếu theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Điều kiện và phạm vi hoạt động chuyên môn

1. Điều kiện đối với cơ sở KSK không có yếu tố nước ngoài: Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn phù hợp với nội dung ghi trong Giấy KSK quy định tại các Phụ lục 1, 2, 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. (được bãi bỏ)⁵

3. (được bãi bỏ)⁶

Điều 12. (được bãi bỏ)⁷

Điều 13. (được bãi bỏ)⁸

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của người được khám sức khoẻ

⁴ Điều này được bãi bỏ tại Điều 1 Thông tư số 41/2017/TT-BYT ngày 09 tháng 11 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 12 năm 2017.

⁵ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 41/2017/TT-BYT ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017.

⁶ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 41/2017/TT-BYT ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017.

⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 41/2017/TT-BYT ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017.

⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 41/2017/TT-BYT ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Cung cấp thông tin trung thực về tiền sử bản thân, bệnh tật và chịu trách nhiệm về thông tin đã cung cấp.

2. Tuân thủ các hướng dẫn, chỉ định của người KSK trong quá trình thực hiện KSK.

3. Xuất trình hồ sơ KSK theo quy định tại Điều 4 Thông tư này cho người KSK để kiểm tra trong mỗi lần thực hiện một hoạt động khám lâm sàng hoặc khám cận lâm sàng.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ sở sử dụng lao động, trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề

1. Chịu trách nhiệm tổ chức KSK cho đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý Sổ KSK định kỳ của đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở khám sức khỏe

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả KSK do cơ sở mình thực hiện.

2. Tổng hợp kết quả thực hiện hoạt động KSK do cơ sở mình thực hiện vào báo cáo hoạt động chung của cơ sở và báo cáo theo quy định về thống kê, báo cáo.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Y tế và cơ quan quản lý nhà nước về y tế của các Bộ, ngành

1. Chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động KSK tại các cơ sở KBCB thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Kiểm tra, thanh tra hoạt động của các cơ sở KSK theo quy định; đình chỉ hoặc kiến nghị đình chỉ hoạt động KSK hoặc xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các cơ sở KSK không đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 18. Trách nhiệm của Cục Quản lý khám, chữa bệnh – Bộ Y tế

1. Chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động KSK tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi cả nước.

2. Kiểm tra, thanh tra hoạt động của các cơ sở KSK theo quy định; đình chỉ hoặc kiến nghị đình chỉ hoạt động KSK hoặc xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các cơ sở KSK không đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành⁹

⁹ Thông tư số 09/2023/TT-BYT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023 quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

2. Phụ lục số 3a của Thông tư này thay thế Phụ lục số 3 tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn khám sức khỏe.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Thông tư số 13/2007/TT-BYT ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Bộ Y tế Hướng dẫn KSK và Thông tư liên tịch số 10/2004/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2004 của: Bộ Y tế - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện khám và chứng nhận sức khỏe cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 20. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đó.

Điều 21. Quy định chuyển tiếp

Cơ sở KBCB đang thực hiện hoạt động KSK trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện hoạt động KSK đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013. Sau đó, nếu muốn tiếp tục thực hiện hoạt động KSK thì phải đáp ứng các điều kiện và thực hiện quy trình, hồ sơ công bố đủ điều kiện KSK được quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cá nhân, tổ chức phản ánh về Bộ Y tế (Cục Quản lý khám, chữa bệnh) để xem xét, giải quyết. / *202*

BỘ Y TẾ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: /VBHN-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KCB, PC, BMTE.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Thuấn

1. Vụ trưởng Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em; Cục Quản lý Khám, chữa bệnh) để xem xét, giải quyết./."

Phụ lục 1

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHOẺ DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

(Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

| | |
|-------------------------|--|
| _____ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập-Tự do-Hạnh phúc</u> |
| Số/GKSK-..... | |

GIẤY KHÁM SỨC KHOẺ

1. Họ và tên (viết chữ in hoa):

Ảnh (4 x 6 cm) 2. Giới tính: Nam Nữ Tuổi

3. Số CMND hoặc Hộ chiếu: Cấp ngày/...../.....

Tại

Chỗ ở hiện tại:

Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHOẺ**1. Tiền sử gia đình**

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không b) Có ; Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác: Không b) Có

Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

3. Câu hỏi khác (nếu có)

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

..... ngày tháng năm

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: cm; - Cân nặng: Kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: lần/phút; - Huyết áp:/..... mmHg

Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

| Nội dung khám | | Họ tên và chữ ký của Bác sỹ |
|---|----------------------------|-----------------------------|
| 1. | Nội khoa | |
| a) | <i>Tuần hoàn</i> | |
| | Phân loại | |
| b) | <i>Hô hấp</i> | |
| | Phân loại | |
| c) | <i>Tiêu hóa</i> | |
| | Phân loại | |
| d) | <i>Thận-Tiết niệu</i> | |
| | Phân loại | |
| đ) | <i>Nội tiết</i> | |
| | Phân loại | |
| e) | <i>Cơ - xương - khớp</i> | |
| | Phân loại | |
| g) | <i>Thần kinh</i> | |
| | Phân loại | |
| h) | <i>Tâm thần</i> | |
| | Phân loại | |
| 2. | Ngoại khoa: | |
| | Phân loại: | |
| 3. | Sản phụ khoa: | |
| | Phân loại: | |
| 4. | Mắt: | |
| Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải Mắt trái | | |
| Có kính: Mắt phải Mắt trái | | |
| Các bệnh về mắt (nếu có): | | |
| Phân loại: | | |
| 5. | Tai - Mũi - Họng | |
| Kết quả khám thính lực: | | |
| Tai trái: Nói thường m; Nói thầm m | | |
| Tai phải: Nói thường m; Nói thầm m | | |
| Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): | | |
| Phân loại: | | |

Phụ lục 2

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHOẺ DÙNG CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI

(Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

| | |
|-------------------------|--|
| _____ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập-Tự do-Hạnh phúc</u> |
| Số/GKSK-..... | |

GIẤY KHÁM SỨC KHOẺ

Họ và tên (viết chữ in hoa):

Ảnh (4 x 6 cm) Giới tính: Nam Nữ Tuổi:
Số CMND hoặc Hộ chiếu (nếu có):

Cấp ngày/...../..... Tại:

Họ và tên bố, mẹ hoặc người giám hộ:

Chỗ ở hiện tại:

Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH TẬT**1. Tiền sử gia đình**

Có ai trong gia đình mắc các bệnh bẩm sinh hoặc bệnh truyền nhiễm không:

a) Không b) Có ; Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Tiền sử bản thân:**a) Sản khoa:**

- Bình thường.
- Không bình thường: Đẻ thiếu tháng; Đẻ thừa cân; Đẻ có can thiệp; Đẻ ngạt; Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (Nếu có cần ghi rõ tên bệnh:
.....
.....)

b) Tiêm chủng:

| STT | Loại vắc xin | Tình trạng tiêm/uống vắc xin | | |
|-----|--------------------------|------------------------------|-------|--------------|
| | | Có | Không | Không nhớ rõ |
| 1 | BCG | | | |
| 2 | Bạch hầu, ho gà, uốn ván | | | |
| 3 | Sởi | | | |
| 4 | Bại liệt | | | |
| 5 | Viêm não Nhật Bản B | | | |
| 6 | Viêm gan B | | | |
| 7 | Các loại khác | | | |

c) Tiền sử bệnh/tật: (Các bệnh bẩm sinh và mãn tính)

- Không
- Có

Nếu “có”: ghi cụ thể tên bệnh

d) Hiện tại có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng:

.....
.....
.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày tháng năm

Người đề nghị khám sức khỏe
(Hoặc cha/mẹ hoặc người giám hộ)
(Ký và ghi rõ họ, tên)



I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: cm; - Cân nặng: Kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: lần/phút; - Huyết áp:/..... mmHg

Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

| Nội dung khám | | Họ tên và chữ ký của Bác sỹ |
|---|-------------------------|-----------------------------|
| 1. | Nhi khoa | |
| a) | Tuần hoàn | |
| b) | Hô hấp | |
| c) | Tiêu hóa | |
| d) | Thận-Tiết niệu | |
| đ) | Thần kinh-Tâm thần | |
| e) | Khám lâm sàng khác | |
| 2. | Mắt: | |
| Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải Mắt trái | | |
| Có kính: Mắt phải Mắt trái | | |
| Các bệnh về mắt (nếu có): | | |
| 3. | Tai - Mũi - Họng | |
| Kết quả khám thính lực: | | |
| Tai trái: Nói thường m; Nói thầm m | | |
| Tai phải: Nói thường m; Nói thầm m | | |
| Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): | | |
| 4. | Răng – Hàm – Mặt | |
| Kết quả khám: Hàm trên: | | |
| Hàm dưới: | | |
| Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): | | |

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

| Nội dung khám | Họ tên, chữ ký của Bác sỹ |
|--|---------------------------|
| Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: Kết quả: | |

IV. KẾT LUẬN CHUNG:

Sức khỏe bình thường:

Hoặc các vấn đề sức khỏe cần lưu ý:

.....

..... ngày tháng năm

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHỤ LỤC 3a¹⁰
MẪU SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BYT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

- Ảnh
(4 x 6 cm)
1. Họ và tên (viết chữ in hoa):
2. Giới tính: Nam Nữ Tuổi
3. Số CMND/ Số CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD:
- Cấp ngày/...../..... Tại
-
4. Số thẻ BHYT: 5. Số điện thoại liên hệ:
6. Nơi ở hiện tại:
-
7. Nghề nghiệp:
8. Nơi công tác, học tập:
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay:/...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
- a)
- thời gian làm việc năm tháng từ ngày/...../..... đến/...../.....
- b)
- thời gian làm việc năm tháng từ ngày/...../..... đến/...../.....
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:
-
-
-

¹⁰ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 09/2023/TT-BYT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

| Tên bệnh | Phát hiện năm | Tên bệnh nghề nghiệp | Phát hiện năm |
|----------|---------------|----------------------|---------------|
| a) | | a) | |
| b). | | b) | |
| c) | | c) | |
| d) | | d) | |

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

..... ngày tháng năm

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ**I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT***(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)*

.....

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:
- Tính chất kinh nguyệt: Đều Không đều
- Chu kỳ kinh: ngày Lượng kinh: ngày
- Đau bụng kinh: Có Không
- Đã lập gia đình: Có Chưa
- PARA:
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có Ghi rõ: Chưa
- Có đang áp dụng BPTT không? Có Ghi rõ: Không

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: cm; Cân nặng: Kg; Chỉ số BMI:

Mạch: lần/phút; Huyết áp:/..... mmHg

Phân loại thể lực:

III. KHÁM LÂM SÀNG

| Nội dung khám | | Họ tên, chữ ký của Bác sỹ |
|---------------|-----------------|---------------------------|
| 1. | Nội khoa | |
| a) | Tuần hoàn: | |
| | Phân loại: | |
| b) | Hô hấp: | |
| | Phân loại: | |
| c) | Tiêu hóa: | |
| | Phân loại: | |

| | | |
|--|---------------------------|--|
| d) | <i>Thận-Tiết niệu:</i> | |
| | Phân loại: | |
| đ) | <i>Nội tiết:</i> | |
| | Phân loại: | |
| e) | <i>Cơ – xương - khớp:</i> | |
| | Phân loại: | |
| g) | <i>Thần kinh:</i> | |
| | Phân loại: | |
| h) | <i>Tâm thần:</i> | |
| | Phân loại: | |
| 2. | Mắt | |
| <i>Kết quả khám thị lực:</i> Không kính: Mắt phải Mắt trái | | |
| Có kính: Mắt phải Mắt trái | | |
| <i>Các bệnh về mắt (nếu có):</i> | | |
| Phân loại: | | |
| 3. | Tai - Mũi - Họng | |
| <i>Kết quả khám thính lực:</i> | | |
| Tai trái: Nói thường m; Nói thầm m | | |
| Tai phải: Nói thường m; Nói thầm m | | |
| <i>Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):</i> | | |
| Phân loại: | | |
| 4. | Răng – Hàm – Mặt | |
| <i>Kết quả khám:</i> Hàm trên: | | |
| Hàm dưới: | | |
| <i>Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):</i> | | |
| Phân loại: | | |
| 5. | Da liễu | |
| <i>Kết quả khám:</i> | | |
| Phân loại: | | |



| | |
|---------------------|--|
| 6. | Phụ sản (Chi tiết nội dung khám theo Danh mục tại Phụ lục 3b) |
| Kết quả khám: | |
| Phân loại: | |
| 7. | Ngoại khoa |
| Kết quả khám: | |
| Phân loại: | |

II. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

| | |
|---|--|
| Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: | |
| b) Đánh giá: | |

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:¹
2. Các bệnh, tật (nếu có):²

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Phân loại sức khỏe theo quy định tại Quyết định số 1613/BYT-QĐ hoặc phân loại sức khỏe theo quy định của bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành đối với trường hợp khám sức khỏe chuyên ngành.

² Ghi rõ các bệnh, tật, phương án điều trị, phục hồi chức năng hoặc giới thiệu khám chuyên khoa để khám bệnh, chữa bệnh.



PHỤ LỤC 3b¹¹
DANH MỤC KHÁM CHUYÊN KHOA PHỤ SẴN
TRONG KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ CHO LAO ĐỘNG NỮ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BYT ngày 05 tháng 5 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

| TT | NỘI DUNG KHÁM | GHI CHÚ |
|------------|---|---|
| I. | Khám phụ khoa | |
| 1. | Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn. | |
| 2. | Khám bộ phận sinh dục ngoài. | |
| 3. | Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường. | - Chỉ thực hiện nếu tiếp cận được bằng đường âm đạo và có sự đồng ý của lao động nữ sau khi được nhân viên y tế tư vấn. |
| 4. | Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay). | |
| 5. | Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay). | - Chỉ thực hiện nếu <u>không</u> tiếp cận được bằng đường âm đạo hoặc bệnh cảnh cụ thể đòi hỏi phải đánh giá thêm bằng khám trực tràng. - Chỉ thực hiện nếu có sự đồng ý của lao động nữ sau khi được nhân viên y tế tư vấn. |
| II. | Sàng lọc ung thư cổ tử cung <i>Thực hiện sàng lọc, phát hiện sớm tổn thương cổ tử cung bằng ít nhất một trong các kỹ thuật sau:</i> | - Chỉ thực hiện nếu tiếp cận được bằng đường âm đạo và có sự đồng ý của lao động nữ sau khi được nhân viên y tế tư vấn. - Thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. |
| 1. | Nghiệm pháp quan sát cổ tử cung với dung dịch Acid Acetic (VIA test) | |
| 2. | Nghiệm pháp quan sát cổ tử cung với dung dịch Lugol (VILI test) | |
| 3. | Xét nghiệm tế bào cổ tử cung | |
| 4. | Xét nghiệm HPV | |
| III | Sàng lọc ung thư vú <i>Thực hiện sàng lọc, phát hiện sớm tổn thương vú bằng ít nhất một trong các kỹ thuật sau:</i> | |
| 1. | Khám lâm sàng vú | |
| 2. | Siêu âm tuyến vú hai bên | |
| 3. | Chụp Xquang tuyến vú | |
| IV. | Siêu âm tử cung-phần phụ <i>(khi có chỉ định của bác sỹ khám)</i> | |

¹¹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 09/2023/TT-BYT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

Phụ lục 4
DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ Y TẾ
CỦA CƠ SỞ KHÁM SỨC KHỎE

*(Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

| TT | Nội dung | Số lượng |
|--------------------------|--|----------|
| I. CƠ SỞ VẬT CHẤT | | |
| 1 | Phòng tiếp đón | 01 |
| 2 | Phòng khám chuyên khoa: Nội, nhi, ngoại, sản phụ khoa, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, da liễu. | 08 |
| 3 | Phòng chụp X.quang | 01 |
| 4 | Phòng xét nghiệm | 01 |
| II. THIẾT BỊ Y TẾ | | |
| 1 | Tủ hồ sơ bệnh án/phương tiện lưu trữ hồ sơ khám sức khỏe | 01 |
| 2 | Tủ thuốc cấp cứu/túi thuốc cấp cứu | 01 |
| 3 | Bộ bàn ghế khám bệnh | 02 |
| 4 | Giường khám bệnh | 02 |
| 5 | Ghế chờ khám | 10 |
| 6 | Tủ sấy dụng cụ | 01 |
| 7 | Nồi luộc, khử trùng dụng cụ y tế | 01 |
| 8 | Cân có thước đo chiều cao/Thước dây | 01 |
| 9 | Ống nghe tim phổi | 02 |
| 10 | Huyết áp kế | 02 |
| 11 | Đèn đọc phim X.quang | 01 |
| 12 | Búa thử phản xạ | 01 |
| 13 | Bộ khám da (kính lúp) | 01 |
| 14 | Đèn soi đáy mắt | 01 |
| 15 | Hộp kính thử thị lực | 01 |
| 16 | Bảng kiểm tra thị lực | 01 |

| TT | Nội dung | Số lượng |
|--|---|-----------------|
| 17 | Bảng thị lực màu | 01 |
| 18 | Bộ khám tai mũi họng: đèn soi, 20 bộ dụng cụ, khay đựng | 01 |
| 19 | Bộ khám răng hàm mặt | 01 |
| 20 | Bàn khám và bộ dụng cụ khám phụ khoa | 01 |
| 21 | Thiết bị phân tích huyết học | 01 |
| 22 | Thiết bị phân tích sinh hóa | 01 |
| 23 | Thiết bị phân tích nước tiểu/Bộ dụng cụ thử nước tiểu | 01 |
| 24 | Thiết bị chụp X.quang | 01 |
| III. NGOÀI CÓ ĐỦ CÁC THIẾT BỊ TẠI MỤC II PHỤ LỤC NÀY, CƠ SỞ KSK CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI PHẢI CÓ THÊM CÁC THIẾT BỊ Y TẾ SAU | | |
| 25 | Thiết bị đo điện não | 01 |
| 26 | Thiết bị siêu âm | 01 |
| 27 | Thiết bị điện tâm đồ | 01 |